BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG
(NAY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

Tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH TỔNG HỢP	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 27
PHỤ LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/4/2014 ĐẾN NGÀY 04/01/2016 (GIAI ĐOẠN CHUYỂN ĐỔI)	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	28 - 29
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016.

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc

Chủ tịch và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Hoàng Triệu Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Thuận	Phó Tổng Giám đốc

Ngày 05/01/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200149102. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Triệu Hùng	Chủ tịch - đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần
Bà Bùi Thị Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Phát	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sáng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0200149102 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Hoàng Triệu Hùng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Nguyên Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc)
Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2016

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 7, tòa nhà Hải Quân số 5 Lý Tự Trọng, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
W www.anvietcpa.com
E anviet.hp@anvietcpa.com
T (84-31) 3842 430
F (84-31) 3842 433

Số: 24/2016/KT-AVHP-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08/3/2016, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 04/01/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng tại ngày 04/01/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 28 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0201450702 ngày 05/01/2016. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Nguyễn Thị Hoa
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0804-2015-055-1

Vũ Hoài Nam
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2015-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 04 tháng 01 năm 2016

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	04/01/2016	01/01/2015
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**18.585.593.946**	**19.425.284.951**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**1.817.647.956**	**5.521.382.187**
1. Tiền	111	5	1.817.647.956	5.521.382.187
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	**141.000.000**
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	141.000.000
III. Các khoản phải thu	**130**		**15.746.276.669**	**8.629.716.114**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	14.188.869.869	8.230.674.114
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		350.000.000	147.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.207.406.800	251.542.000
IV. Hàng tồn kho	**140**		**494.745.881**	**4.109.487.773**
1. Hàng tồn kho	141	8	494.745.881	4.109.487.773
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**526.923.440**	**1.023.698.877**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9.1	103.857.480	848.825.537
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		406.656.198	150.973.467
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15.1	16.409.762	23.899.873
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**24.949.955.286**	**32.417.392.276**
II. Tài sản cố định	**220**		**24.017.994.218**	**31.497.185.886**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	19.984.185.218	31.497.185.886
- *Nguyên giá*	222		*53.231.307.623*	*67.536.187.205*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	223		*(33.247.122.405)*	*(36.039.001.319)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	4.033.809.000	-
- *Nguyên giá*	228		*4.033.809.000*	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	229		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn		12	**800.000.000**	**767.333.054**
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		800.000.000	800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(32.666.946)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**131.961.068**	**152.873.336**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.2	131.961.068	152.873.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**43.535.549.232**	**51.842.677.227**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 04 tháng 01 năm 2016

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	04/01/2016	01/01/2015
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**9.115.810.610**	**12.551.876.791**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**9.115.810.610**	**12.513.476.791**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.243.387.572	3.591.725.499
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	100.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15.2	948.070.069	947.606.030
4. Phải trả người lao động	314		1.201.461.307	1.274.321.118
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	63.462.469	4.932.088.688
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	16.1	1.706.936.340	111.364.767
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.952.492.853	1.556.370.689
II. Nợ dài hạn	**330**		-	**38.400.000**
7. Phải trả dài hạn khác	337	16.2	-	38.400.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**34.419.738.622**	**39.290.800.436**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**36.000.000.000**	**45.143.583.107**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17a	36.000.000.000	37.039.795.719
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*36.000.000.000*	*37.039.795.719*
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	17	-	6.040.947.318
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	-	386.340.832
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17b	-	(423.500.291)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		-	*(423.500.291)*
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	17	-	2.099.999.529
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**(1.580.261.378)**	**(5.852.782.671)**
1. Nguồn kinh phí	431	18	(1.580.261.378)	(12.357.184.676)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	6.504.402.005
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**43.535.549.232**	**51.842.677.227**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị *(Nguyên Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc)*
Vũ Mạnh Trung	Bùi Thị Ninh	Hoàng Triệu Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**38.153.519.976**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**38.153.519.976**
4. Giá vốn hàng bán	11	**21**	33.069.700.884
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**5.083.819.092**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**22**	50.748.817
7. Chi phí tài chính	22	**23**	2.408.333
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*2.408.333*
8. Chi phí bán hàng	25		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**24**	4.539.483.874
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)	**30**		**592.675.702**
11. Thu nhập khác	31	**25**	26.444.629
12. Chi phí khác	32	**26**	27.627.159
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(1.182.530)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**591.493.172**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**27**	130.657.578
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**460.835.594**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị *(Nguyên Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc)*
Vũ Mạnh Trung	Bùi Thị Ninh	Hoàng Triệu Hùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 04/01/2016

(Theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính)

Mẫu số 02B - DN
Đơn vị tính: VND

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp kỳ trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển qua kỳ sau
A	B	C	1	2	3	4=1+2-3
I	**Thuế**	**10**	**922.020.899**	**1.123.276.347**	**1.115.322.197**	**929.975.049**
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	706.445.016	962.325.650	878.349.193	790.421.473
	Văn phòng		*638.731.246*	*774.636.258*	*623.454.875*	*789.912.629*
	Chi nhánh		*67.713.770*	*187.689.392*	*254.894.318*	*508.844*
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	15	239.475.756	133.225.846	216.738.264	155.963.338
9	Thuế khác	19	(23.899.873)	27.724.851	20.234.740	(16.409.762)
	Thuế môn bài		-	*4.000.000*	*4.000.000*	-
	Thuế thu nhập cá nhân		*(23.899.873)*	*23.724.851*	*16.234.740*	*(16.409.762)*
	- Văn phòng		*(21.486.028)*	*19.303.462*	*15.664.140*	*(17.846.706)*
	- Chi nhánh		*(2.413.845)*	*4.421.389*	*570.600*	*1.436.944*
II	**Các khoản phải nộp khác**	**30**	**1.685.258**	-	-	**1.685.258**
3	Các khoản khác	33	1.685.258	-	-	1.685.258
	TỔNG CỘNG (40=10+30)	**40**	**923.706.157**	**1.123.276.347**	**1.115.322.197**	**931.660.307**

(*): Số phải nộp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 04/01/206 là 130.657.578 VND và thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2014 hạch toán vào kỳ này là 2.568.268 VND.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị *(Người đại diện theo pháp luật của Công ty kiêm Tổng Giám đốc)*
Vũ Mạnh Trung	Bùi Thị Ninh	Hoàng Triệu Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 04/01/2016

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		***591.493.172***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	**11**	4.026.093.586
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	**22**	(50.748.817)
- Chi phí lãi vay	06	**23**	2.408.333
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***4.569.246.274***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.737.263.375)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.614.741.892
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.030.034.516)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		765.880.325
- Tiền lãi vay đã trả	13		(90.836.111)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	**15**	(216.738.264)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		36.852.978.075
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(40.566.614.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(6.838.639.715)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	**10, 11**	(6.095.093.333)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		141.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	**22**	50.748.817
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(5.903.344.516)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	**17a**	9.038.250.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***9.038.250.000***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(3.703.734.231)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5**	**5.521.382.187**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**5**	**1.817.647.956**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị *(Nguyên Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc)*
Vũ Mạnh Trung	Bùi Thị Ninh	Hoàng Triệu Hùng

M.S.D.N: 0200849102 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng thành Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0200149102 ngày 30/6/2010, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 24/7/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ: 27.912.000.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý luồng, hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa. Dịch vụ điều tiết giao thông phục vụ thi công các công trình cầu vượt sông và các công trình đường thủy nội địa. Bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, quản lý biển báo hiệu giao thông đường thủy. Quản lý, khai thác, đảm bảo giao thông cầu phao, bến phà;
- Hoạt động cứu hộ đường sông. Nạo vét luồng lạch, thanh thải chướng ngại vật;
- Lắp đặt, quản lý cầu phao, phao tiêu báo hiệu;
- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình giao thông đường thủy: âu, kè. Xây dựng và cải tạo các công trình điện hạ thế, điện dân dụng. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường thủy, kho bãi;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng;
- Sản xuất phao tiêu báo hiệu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Bán buôn xi măng;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Bán buôn sơn, vecni;
- Bán buôn hàng kim khí;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy tàu thủy, phà, xà lan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: trong vòng 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp:

Ngày 10/01/2014, Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng có Quyết định số 149/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 31/3/2014. Ngày 17/6/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng có Quyết định số 1316/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng. Theo đó, tại thời điểm ngày 31/3/2014, giá trị thực tế doanh nghiệp là 38.428.542.928 VND, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 26.961.750.000 VND. Ngày 09/9/2015, Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng có Quyết định số 2055/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng thành công ty cổ phần.

1.6 Cấu trúc của Công ty:

	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A	**Các đơn vị trực thuộc hạch toán riêng (xác định KQKD riêng với Công ty)**		
1	Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 9/11, Đường số 33, Khu phố 3, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	Cứu hộ đường sông, nạo vét luồng lạch, thanh thải chướng ngại vật

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp:

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty trước khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần. Công ty không lập báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 04/01/2015 nên không có số liệu so sánh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016 là kỳ hoạt động cuối cùng của Công ty TNHH một thành viên.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết:

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường (chiếm 40% vốn điều lệ, tương ứng 800.000.000 VND) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, phí, lệ phí...

Trong kỳ, Công ty hạch toán tăng vốn nhà nước khoản dự phòng đầu tư vào công ty liên kết theo Công văn số 3923/VP-TC ngày 01/10/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán.

- Phải thu khác là các khoản ký cược, ký quỹ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước tại Văn phòng Công ty và phương pháp thực tế đích danh tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tập hợp chi phí và tính giá thành theo phương pháp giản đơn.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản được đánh giá lại theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 17/6/2015 Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 25
Tài sản cố định khác	10

Trong kỳ, hao mòn của các tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí (tài khoản 627, 642) theo mục đích sử dụng tài sản; hao mòn của các tài sản phục vụ hoạt động sự nghiệp công ích có thu được hạch toán vào chi sự nghiệp (tài khoản 161); hao mòn của các tài sản phục vụ hoạt động công được hạch toán giảm nguồn kinh phi hình thành tài sản cố định (tài khoản 466).

Tại thời điểm 04/01/2016, các tài sản không cần sử dụng, các tài sản công ích được điều chỉnh giảm trên báo cáo tài chính tổng hợp và theo dõi là tài sản nhận giữ hộ trên các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp.

Đối với các tài sản cố định đã khấu hao hết trước khi xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị đánh giá lại sẽ được khấu hao khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại khu 4, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải với thời hạn sử dụng lâu dài và không tính khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh bao gồm: thuế giá trị gia tăng và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng.

- Thuế giá trị gia tăng là thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa đủ điều kiện khấu trừ theo các quy định hiện hành về khấu trừ thuế giá trị gia tăng nhưng Công ty dự tính sẽ được khấu trừ trong tương lai.
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh. Đối với các công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết giá trị trước khi xác định giá trị doanh nghiệp nhưng còn sử dụng, giá trị đánh giá lại sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn; phải trả về cổ phần hóa; phải trả về nhà nước theo biên bản kiểm toán nhà nước ngày 27/5/2015 và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Chi phí đi vay liên quan đến việc mua quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại khu 4, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải được vốn hóa trong kỳ là 19.333.333 VND.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

Chi phí phải trả gồm chi phí hủy vé tồn cầu phao sông Hóa do không sử dụng, tiền internet, cước điện thoại thực tế phát sinh trong kỳ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm vốn của các tổ chức, cá nhân và tiền thu từ phát hành thêm, được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 04/01/2016 là 36.000.000.000 VND do Công ty đã điều chỉnh theo Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc hoàn tất thủ tục chuyển Công ty thành Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn kinh phí và quỹ khác được xử lý theo quy định hiện hành về cổ phần hóa.

4.13 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14 Giá vốn

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa).

4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

4.17 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế TNDN phải nộp phát sinh trong kỳ.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.18 Bên liên quan

Công ty góp 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Phú Cường và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty này trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, Công ty này được coi là bên liên quan (công ty liên kết) của Công ty.

Chủ tịch Công ty, các cá nhân trong Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin với bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 12 và 29.

5. TIỀN

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	12.266.512	149.895.040
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.805.381.444	5.371.487.147
Cộng	**1.817.647.956**	**5.521.382.187**

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	**14.188.869.869**	**8.230.674.114**
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	9.734.008.686	4.598.795.786
Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hải Phòng	*4.718.878.193*	*923.654.000*
Công ty CP Đầu tư Pacific	*1.404.127.500*	*710.946.500*
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	*1.570.388.993*	*1.183.741.286*
Đoạn quản lý đường thủy nội địa Quảng Nam	*2.040.614.000*	*1.780.454.000*
Các khoản phải thu của khách hàng khác	4.454.861.183	3.631.878.328

7. PHẢI THU KHÁC

	04/01/2016 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**1.207.406.800**	**-**	**251.542.000**	**-**
Phải thu về cổ phần hoá	-	-	61.717.200	-
Ký cược, ký quỹ	1.207.406.800	-	31.407.800	-
Tạm ứng	-	-	158.417.000	-

8. HÀNG TỒN KHO

	04/01/2016 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	494.745.881	-	683.881.420	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	3.425.606.353	-
Cộng	**494.745.881**	**-**	**4.109.487.773**	**-**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
9.1 Ngắn hạn	**103.857.480**	**848.825.537**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	85.386.355	96.951.870
Thuế giá trị gia tăng chưa đủ điều kiện khấu trừ	18.471.125	532.311.417
Chi phí trả trước chờ phân bổ	-	219.562.250
9.2 Dài hạn	**131.961.068**	**152.873.336**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng sau khi xác định giá trị doanh nghiệp	14.395.008	35.307.276
Công cụ, dụng cụ đánh giá lại	117.566.060	117.566.060

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Quyền sử dụng đất	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	-	-	-
Tăng trong kỳ	4.033.809.000	-	
Số cuối kỳ	**4.033.809.000**	**-**	**4.033.809.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2015	**14.464.025.852**	**502.359.672**	**46.856.624.681**	**5.713.177.000**	**67.536.187.205**
Tăng trong kỳ	**2.061.284.333**	**-**	**-**	**-**	**2.061.284.333**
Mua sắm	2.061.284.333	-	-	-	2.061.284.333
Giảm trong kỳ	**5.810.082.866**	**288.775.000**	**4.554.129.049**	**5.713.177.000**	**16.366.163.915**
Giảm khác	-	288.775.000	4.554.129.049	-	4.842.904.049
Giảm theo BBXĐGTDN	5.810.082.866	-	-	5.713.177.000	11.523.259.866
Số dư tại ngày 04/01/2016	**10.715.227.319**	**213.584.672**	**42.302.495.632**	**-**	**53.231.307.623**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	**5.308.939.896**	**373.467.968**	**28.505.349.024**	**1.851.244.431**	**36.039.001.319**
Tăng trong kỳ	**437.253.406**	**31.327.872**	**3.053.781.972**	**503.730.336**	**4.026.093.586**
Khấu hao trong kỳ	437.253.406	31.327.872	3.053.781.972	503.730.336	4.026.093.586
Giảm trong kỳ	**1.748.517.790**	**288.775.000**	**2.425.704.943**	**2.354.974.767**	**6.817.972.500**
Giảm khác	-	288.775.000	2.425.704.943	-	2.714.479.943
Giảm theo BBXĐGTDN	1.748.517.790	-	-	2.354.974.767	4.103.492.557
Số dư tại 04/01/2016	**3.997.675.512**	**116.020.840**	**29.133.426.053**	**-**	**33.247.122.405**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2015	**9.155.085.956**	**128.891.704**	**18.351.275.657**	**3.861.932.569**	**31.497.185.886**
Số dư tại 04/01/2016	**6.717.551.807**	**97.563.832**	**13.169.069.579**	**-**	**19.984.185.218**

Giảm khác là tài sản chuyển về Sở Tài chính theo biên bản bàn giao ngày 15/9/2015.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	04/01/2016 VND			01/01/2015 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	(32.666.946)	767.333.054

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty CP Xây dựng Giao thông Phú Cường	40	40	40	2.000.000.000	800.000.000	-	800.000.000
Cộng				**2.000.000.000**	**800.000.000**	**-**	**800.000.000**

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	**3.243.387.572**	**3.591.725.499**
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	3.155.154.572	1.907.616.680
Công ty CP Quản lý đường sông số 8	*757.980.330*	*1.246.433.130*
Công ty TNHH Minh Khang	*1.335.231.402*	-
Công ty TNHH MTV TMDV Quốc Khánh	*355.500.000*	-
Công ty TNHH Minh Khang	-	*448.312.000*
Khu quản lý đường thủy nội địa	*706.442.840*	*212.871.550*
Phải trả cho các đối tượng khác	88.233.000	1.684.108.819

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	**63.462.469**	**4.932.088.688**
Chi phí thuê tàu	-	3.198.140.000
Chi phí lãi vay	-	88.427.778
Chi phí thực hiện dự án sông Đa Độ	-	94.191.000
Chi phí sữa chữa bến phà Cái Viềng huyện Cát Hải	-	16.060.099
Chi phí phải trả khác	63.462.469	1.535.269.811

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	706.445.016	962.325.650	878.349.193	790.421.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	239.475.756	133.225.846	216.738.264	155.963.338
Thuế thu nhập cá nhân	(23.899.873)	23.724.851	16.234.740	(16.409.762)
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.685.258	-	-	1.685.258
Cộng	**923.706.157**	**1.123.276.347**	**1.115.322.197**	**931.660.307**
Trong đó:				
15.1 Phải thu	23.899.873			16.409.762
15.2 Phải nộp	947.606.030			948.070.069

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	04/01/2016 VND	01/01/2015 VND
16.1 Ngắn hạn	**1.706.936.340**	**111.364.767**
Kinh phí công đoàn	9.639.485	20.672.738
Bảo hiểm xã hội	49.057.742	36.408.100
Phải trả về cổ phần hóa	594.110.783	54.283.929
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.054.128.330	-
Phải trả về nhà nước theo biên bản kiểm toán	*956.267.640*	-
Phải trả khác	*97.860.690*	-
16.2 Dài hạn	**-**	**38.400.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	38.400.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB
Số dư đầu kỳ	**37.039.795.719**	**6.040.947.318**	**386.340.832**	**(423.500.291)**	**2.099.999.529**
Lãi trong kỳ	-	-	-	460.835.594	-
Tăng khác	-	-	-	11.693.947	180.842.000
Giảm khác	1.039.795.719	6.040.947.318	386.340.832	49.029.250	2.280.841.529
Số dư cuối kỳ	**36.000.000.000**	-	-	-	-

Tăng khác là điều chỉnh lợi nhuận theo biên bản kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2014 nguồn quỹ bảo trì đường bộ Trung ương ngày 21/5/2015.

Giảm khác là điều chỉnh theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính khi thực hiện chuyển Công ty thành công ty cổ phần.

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Số đầu kỳ	**37.039.795.719**
Tăng trong kỳ	**17.779.046.625**
Tăng do thu tiền bán cổ phần	9.038.250.000
Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp	8.740.796.625
Giảm trong kỳ	**18.818.842.344**
Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp	18.271.192.544
Chênh lệch phải nộp về Nhà nước	547.649.800
Số cuối kỳ	**36.000.000.000**

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Số đầu kỳ	**(423.500.291)**
Tăng trong kỳ	**472.529.541**
Lợi nhuận trong kỳ	460.835.594
Tăng khác	11.693.947
Giảm trong kỳ	**49.029.250**
Thuế TNDN năm 2014 phải nộp bổ sung	2.568.267
Nộp về Nhà nước	46.460.983
Số cuối kỳ	**-**

18. NGUỒN KINH PHÍ

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	**(12.357.184.676)**
Thu từ vé phà, cầu phao và ngân sách cấp	33.170.213.500
Điều chỉnh theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	14.426.615.157
Chi sự nghiệp	(32.925.586.869)
Nộp lại Nhà nước	(3.894.318.490)
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	**(1.580.261.378)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tài sản nhận giữ hộ	04/01/2016		01/01/2015	
	Nguyên giá	HMLK	Nguyên giá	HMLK
Nhà điều tiết (SH2 nhà nổi)	279.429.000	279.429.000	-	-
Nhà quản lý, khách đợi Đình Vũ, Gót...	5.362.687.000	1.301.121.924	-	-
Âu tránh bão bến Đình Vũ	5.047.298.000	1.689.095.767	-	-
Cột báo hiệu sông Thải	34.027.000	34.027.000	-	-
Phao neo D2,4m (số 1)	157.963.000	157.963.000	-	-
Phao neo D2,4m (số 2)	157.963.000	157.963.000	-	-
Phao neo D2,4m (số 3)	157.963.000	157.963.000	-	-
Phao neo D2,4m (số 4)	157.963.000	157.963.000	-	-
Nhà trạm quản lý sông Thải	167.966.866	167.966.866	-	-
Cộng	**11.523.259.866**	**4.103.492.557**	**-**	**-**

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.153.519.976
Cộng	**38.153.519.976**

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.069.700.884
Cộng	**33.069.700.884**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Lãi tiền gửi	50.748.817
Cộng	**50.748.817**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Lãi tiền vay	2.408.333
Cộng	**2.408.333**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	3.786.624.358
Chi phí nhân viên quản lý	*3.786.624.358*
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	752.859.516
Cộng	**4.539.483.874**

25. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Các khoản khác	26.444.629
Cộng	**26.444.629**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Phạt vi phạm hành chính về thuế	2.404.910
Các khoản khác	25.222.249
Cộng	**27.627.159**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	**591.493.172**
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	**2.404.910**
Các khoản phạt thuế	2.404.910
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4) = (1)+(2)-(3)	**593.898.082**
Thuế suất thuế TNDN (5)	**22%**
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6) = (4)*(5)	**130.657.578**

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 05/01/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200149102. Theo đó:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng.

Vốn điều lệ là 36.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý luồng, hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa. Dịch vụ điều tiết giao thông phục vụ thi công các công trình cầu vượt sông và các công trình đường thủy nội địa. Bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, quản lý biển báo hiệu giao thông đường thủy. Quản lý, khai thác, đảm bảo giao thông cầu phao, bến phà;
- Hoạt động cứu hộ đường sông. Nạo vét luồng lạch, thanh thải chướng ngại vật;
- Lắp đặt, quản lý cầu phao, phao tiêu báo hiệu;
- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình giao thông đường thủy: âu, kè. Xây dựng và cải tạo các công trình điện hạ thế, điện dân dụng. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường thủy, kho bãi;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng;
- Sản xuất phao tiêu báo hiệu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa;

Bán buôn xi măng;

Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;

Bán buôn sơn, vecni;

Bán buôn hàng kim khí;

Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy tàu thủy, phà, xà lan.

Theo Biên bản họp cổ đông ngày 01/12/2015, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Triệu Hùng	Chủ tịch - đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần
Bà Bùi Thị Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Phát	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sáng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 04/01/2016 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 04/01/2016.

29. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016 VND
Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc	471.095.054

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh tại ngày 01/01/2015 trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Công ty không lập báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 04/01/2015 nên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và một số thuyết minh liên quan không có số liệu so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp)

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh tăng (giảm)	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Phải thu ngắn hạn khác	136	61.717.200	189.824.800	251.542.000	(i)

(i): Chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác tăng do phân loại khoản tạm ứng (158.417.000 VND) và khoản ký quỹ, ký cược (31.407.800 VND) từ chỉ tiêu tài sản ngắn hạn khác sang.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị *(Nguyên Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc)*
Vũ Mạnh Trung	Bùi Thị Ninh	Hoàng Triệu Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 623 Quyển số 01 SCT/BS
Ngày 09 tháng 3 năm 2016
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TRẦN NGUYÊN HÃN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
ĐỖ THỊ DỊU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	04/01/2016	01/01/2015	01/4/2014
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**18.585.593.946**	**19.425.284.951**	**13.859.703.454**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**1.817.647.956**	**5.521.382.187**	**1.912.886.315**
1 Tiền	111	1.817.647.956	5.521.382.187	1.912.886.315
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**-**	**141.000.000**	**141.000.000**
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	141.000.000	141.000.000
III. Các khoản phải thu	**130**	**15.746.276.669**	**8.629.716.114**	**9.074.797.478**
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	14.188.869.869	8.230.674.114	8.099.749.692
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	350.000.000	147.500.000	688.000.000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	1.207.406.800	251.542.000	287.047.786
IV. Hàng tồn kho	**140**	**494.745.881**	**4.109.487.773**	**2.260.105.289**
1 Hàng tồn kho	141	494.745.881	4.109.487.773	2.260.105.289
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**526.923.440**	**1.023.698.877**	**470.914.372**
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	103.857.480	848.825.537	426.493.203
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	406.656.198	150.973.467	21.586.165
3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	16.409.762	23.899.873	22.835.004
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**24.949.955.286**	**32.417.392.276**	**35.422.952.743**
II. Tài sản cố định	**220**	**24.017.994.218**	**31.497.185.886**	**34.538.053.629**
1 Tài sản cố định hữu hình	221	19.984.185.218	31.497.185.886	34.538.053.629
Nguyên giá	*222*	*53.231.307.623*	*67.536.187.205*	*67.536.187.205*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*	*(33.247.122.405)*	*(36.039.001.319)*	*(32.998.133.576)*
3 Tài sản cố định vô hình	227	4.033.809.000	-	-
Nguyên giá	*228*	*4.033.809.000*	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*	-	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn		**800.000.000**	**767.333.054**	**767.333.054**
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	800.000.000	800.000.000	800.000.000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	(32.666.946)	(32.666.946)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**	**131.961.068**	**152.873.336**	**117.566.060**
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	131.961.068	152.873.336	117.566.060
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**	**43.535.549.232**	**51.842.677.227**	**49.282.656.197**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẢM BẢO
GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG
Khu công nghiệp Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng

PHỤ LỤC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	04/01/2016	01/01/2015	01/4/2014
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**9.115.810.610**	**12.551.876.791**	**11.466.791.074**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**9.115.810.610**	**12.513.476.791**	**10.382.936.528**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.243.387.572	3.591.725.499	3.872.273.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	100.000.000	190.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	948.070.069	947.606.030	1.375.324.844
4. Phải trả người lao động	314	1.201.461.307	1.274.321.118	1.439.067.684
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	63.462.469	4.932.088.688	2.495.069.774
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	1.706.936.340	111.364.767	545.037.335
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	-	350.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.952.492.853	1.556.370.689	116.163.342
II. Nợ dài hạn	**330**	-	**38.400.000**	**1.083.854.546**
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-	1.045.454.546
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	38.400.000	38.400.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**34.419.738.622**	**39.290.800.436**	**37.815.865.123**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**36.000.000.000**	**45.143.583.107**	**45.232.944.398**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	36.000.000.000	37.039.795.719	37.039.795.719
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*	*36.000.000.000*	*37.039.795.719*	*37.039.795.719*
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	6.040.947.318	6.040.947.318
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	386.340.832	386.340.832
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	(423.500.291)	-
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*	-	-	-
- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*	-	*(423.500.291)*	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	2.099.999.529	1.765.860.529
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**	**(1.580.261.378)**	**(5.852.782.671)**	**(7.417.079.275)**
1. Nguồn kinh phí	431	(1.580.261.378)	(12.357.184.676)	(14.426.615.157)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	6.504.402.005	7.009.535.882
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**	**43.535.549.232**	**51.842.677.227**	**49.282.656.197**

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG
Khu công nghiệp Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/4/2014 đến 04/01/2016	Từ 01/01/2015 đến 04/01/2016	Từ 01/4/2014 đến 31/12/2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**60.292.940.085**	**38.153.519.976**	**22.139.420.109**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**60.292.940.085**	**38.153.519.976**	**22.139.420.109**
4. Giá vốn hàng bán	11	53.111.675.328	33.069.700.884	20.041.974.444
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**	**7.181.264.757**	**5.083.819.092**	**2.097.445.665**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	74.687.569	50.748.817	23.938.752
7. Chi phí tài chính	22	19.308.151	2.408.333	16.899.818
- Trong đó: chi phí lãi vay	*23*	*19.308.151*	*2.408.333*	*16.899.818*
8. Chi phí bán hàng	25	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.867.768.539	4.539.483.874	2.328.284.665
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**	**368.875.636**	**592.675.702**	**(223.800.066)**
11. Thu nhập khác	31	28.080.992	26.444.629	1.636.363
12. Chi phí khác	32	60.862.135	27.627.159	33.234.976
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	**(32.781.143)**	**(1.182.530)**	**(31.598.613)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**	**336.094.493**	**591.493.172**	**(255.398.679)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(8.185.571)	130.657.578	(138.843.149)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**	**344.280.064**	**460.835.594**	**(116.555.530)**

Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng quản trị *(Nguyên Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc)*
Vũ Mạnh Trung	Bùi Thị Ninh	Hoàng Triệu Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẢM BẢO GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY HẢI PHÒNG